TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2017
V/v tranh chấp: Ly hôn giữa bà N và ông D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ T tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989.

Trú tại: thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: ông Bùi Tiến D, sinh năm 1978.

Trú tại: số 22, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2017, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: giữa nguyên đơn và bị đơn ông Bùi Tiến D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ T vào ngày 06/6/2011. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông D nghiện ma túy, không

lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình; ngoài ra gia đình ông D can thiệp sâu vào cuộc sống của vợ chồng nên không khí gia đình luôn căng thẳng. Bà đã tạo điều kiện nhiều lần để ông D sửa đổi, hàn gắn tình cảm nhưng không được, cuộc sống của bà bế tắc không thể giải quyết được nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được nên có yêu cầu ly hôn với ông Bùi Tiến D.

Về con chung: có 02 con chung tên Bùi M T, sinh ngày 07/9/2011 và Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi M T, sinh ngày 07/9/2011; ng D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014 cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai ngày 04/8/2017 bị đơn ông Bùi Tiến D trình bày: ông thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà tự nguyện , có đăng ký kết hôn đúng như bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, bà N sống chung với mẹ chồng có nhiều va chạm với anh chị em trong gia đình, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì bà N hiện nay đang chung sống với người khác không còn quan tâm đến chồng con, hơn nữa cháu Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014 bị tai nạn cần sự chăm sóc của mẹ nên ông yêu cầu đoàn tụ gia đình để vợ chồng về chung sống cùng chăm sóc cho con.

Về con chung: có 02 con chung tên Bùi M T, sinh ngày 07/9/2011 và Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014. Trong trường hợp ly hôn, ông đề nghị được nuôi cháu Bùi Thị Q C và bà N nuôi cháu Bùi M T cho đến khi các con chung trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Nvề việc ly hôn đối với ông Bùi Tiến D, cho bà N được ly hôn với ông D; giao bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi M T, sinh ngày 07/9/2011; giao ông Bùi Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014 cho đến khi các cháu

đến tuổi trưởng thành không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà N, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N và bị đơn ông Bùi Tiến D theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân : bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Bùi Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện , có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật , có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông D nghiện ma túy, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình; theo ông D trình bày trong cuộc sống chung xảy ra nhiều va chạm giữa bà N và gia đình chồng, bà N có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Bùi Tiến D mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau; đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2016; mục đích hôn nhân không đạt được , nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn ông Bùi Tiến D.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Bùi Tiến D có 02 con chung tên Bùi M T, sinh ngày 07/9/2011 và Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014, tại phiên tòa hôm nay bà N, ông D đã thỏa thuận việc nuôi con chung, bà N nuôi trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi M T, ông D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Q C. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường của các con chung cần giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi M T, sinh ngày 07/9/2011 và giao ông D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014 cho đến tuổi trưởng thành. Bà N, ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51; 53, 56; 71; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 200, 220, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Bùi Tiến D.

2. Về con chung:

Giao bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi M T, sinh ngày 07/9/2011 và giao ông Bùi Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Q C, sinh ngày 04/5/2014 cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0006540 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Nguyễn Thị Thanh N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm